

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 9-CP
ngày 21-1-1995 bổ sung Quy chế
đặt Văn phòng Đại diện doanh
nghiệp Việt Nam ở nước ngoài
ban hành kèm theo Nghị định
số 40-CP ngày 19-5-1994.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước ngày 23 tháng 5 năm 1990;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Bổ sung Điều 4 Quy chế đặt Văn phòng Đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ thêm 1 khoản (Khoản 2) như sau:

1. (Giữ nguyên như cũ)...

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép đặt Văn phòng Đại diện các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức quản lý, kiểm tra hoạt động của các Văn phòng này.

Điều 2. - Căn cứ Quy chế đặt Văn phòng Đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quy chế kèm theo Nghị định số 40-CP và điểm bổ sung tại Nghị định này để áp dụng đối với các Văn phòng Đại diện của tổ chức tín dụng và Ngân hàng Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 3. - Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 4. - Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Thương mại, các Bộ trưởng, Thủ

trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
10-CP ngày 23-1-1995 về tổ
chức, nhiệm vụ và quyền hạn
của Quản lý thị trường.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 95-CP ngày 4-12-1993 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại và số 35-CP ngày 25-4-1994 về tổ chức lại công tác chỉ đạo quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng Trường ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

**I. HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ
THỊ TRƯỜNG**

Điều 1. - Quản lý thị trường là lực lượng chuyên trách được tổ chức từ trung ương đến huyện, có chức năng kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại ở thị trường trong nước.

Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm trước Chính phủ lãnh đạo quản lý thống nhất lực lượng quản lý thị trường về tổ chức, tiêu chuẩn

công chức, trang bị nghiệp vụ đảm bảo thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý và chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của lực lượng quản lý thị trường ở địa phương, đảm bảo việc thi hành nghiêm chỉnh pháp luật trong hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. - Hệ thống tổ chức quản lý thị trường gồm có:

1. Ở trung ương: Thành lập Cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Thương mại trên cơ sở sáp nhập bộ máy chuyên trách của Ban Chỉ đạo Quản lý thị trường trung ương chuyển giao về Bộ Thương mại và Vụ Quản lý thị trường thuộc Bộ Thương mại.

2. Ở tỉnh: Thành lập Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Thương mại trên cơ sở tổ chức lại bộ máy chuyên trách của Ban Chỉ đạo Quản lý thị trường tỉnh hiện có.

3. Ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện): Theo yêu cầu cụ thể trên từng địa bàn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập các Đội Quản lý thị trường trực thuộc Chi cục hoạt động trên địa bàn huyện hoặc liên huyện, trên cơ sở tổ chức lại các Đội kiểm tra thị trường hiện có ở địa phương.

Cơ quan quản lý thị trường các cấp (Cục Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường, Đội Quản lý thị trường) có con dấu và tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 3. - Tổ chức bộ máy cơ quan quản lý thị trường các cấp như sau:

1. Cục Quản lý thị trường do Cục trưởng phụ trách, có từ 1 đến 2 Phó Cục trưởng giúp việc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Cục trưởng, Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định.

Cục có cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan đại diện được sử dụng con dấu và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi đóng trụ sở.

2. Chi cục Quản lý thị trường do Chi cục trưởng (chức danh Phó Giám đốc Sở) phụ trách, có từ 1 đến 2 Phó Chi cục trưởng giúp việc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chi cục trưởng do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Chi cục trưởng do Giám

đốc Sở Thương mại quyết định sau khi thỏa thuận với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh.

3. Đội Quản lý thị trường do Đội trưởng phụ trách, có từ 1 đến 2 Phó Đội trưởng giúp việc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Đội trưởng, Phó Đội trưởng do Giám đốc Sở Thương mại quyết định.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 4. - Cục Quản lý thị trường là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Thương mại thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại ở thị trường trong nước. Cục Quản lý thị trường có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1. Kiểm tra việc thi hành pháp luật và các chính sách, chế độ, thể lệ trong hoạt động thương mại trên thị trường. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Thương mại những chủ trương, biện pháp cần thiết để thực hiện đúng pháp luật và các chính sách, chế độ trong lĩnh vực này.

2. Xây dựng các văn bản pháp luật về tổ chức quản lý công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, quy chế kiểm soát thị trường và chính sách, chế độ đối với công chức làm công tác quản lý thị trường các cấp để Bộ Thương mại trình Chính phủ ban hành hoặc Bộ ban hành theo thẩm quyền.

3. Phát hiện và đề xuất với Bộ trưởng Bộ Thương mại để Bộ trưởng Bộ Thương mại giải quyết theo thẩm quyền quy định tại các Điều 25, 26 và 27 Luật Tổ chức Chính phủ về những văn bản quy định của các ngành, các cấp có nội dung trái pháp luật về quản lý thị trường trong hoạt động thương mại.

4. Tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử phạt hành chính theo thẩm quyền các vụ vi phạm trong hoạt động thương mại.

5. Thường trực giúp Bộ chủ trì tổ chức sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan Nhà nước ở các ngành, các cấp có chức năng quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu và các hành vi kinh doanh trái phép.

6. Giúp Bộ theo dõi, quản lý tổ chức, tiêu chuẩn công chức, chế độ trang phục, ấn chỉ của lực lượng quản lý thị trường; hướng dẫn bồi dưỡng nghiệp vụ và thanh tra, kiểm tra hoạt động của cơ quan, công chức quản lý thị trường ở địa phương; đề nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại cấp thẻ kiểm soát cho công chức làm nhiệm vụ kiểm soát thị trường các cấp.

7. Quản lý và thực hiện các chính sách, chế độ đối với công chức thuộc Cục theo phân cấp của Bộ; quản lý tài sản được giao theo quy định của Nhà nước.

Điều 5. - Chi cục Quản lý thị trường giúp Giám đốc Sở Thương mại thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh giao. Chi cục Quản lý thị trường có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1. Kiểm tra việc tuân theo pháp luật các hoạt động thương mại của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh. Đề xuất với Sở Thương mại và Ủy ban Nhân dân tỉnh kế hoạch, biện pháp về tổ chức thị trường, bảo đảm lưu thông hàng hóa theo pháp luật, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng và trực tiếp chỉ đạo các Đội Quản lý thị trường thực hiện các kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại.

3. Quản lý công chức, biên chế, kinh phí, trang bị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và xây dựng cơ sở vật chất cho lực lượng quản lý thị trường ở địa phương.

4. Thường trực giúp Giám đốc Sở Thương mại chủ trì tổ chức sự phối hợp hoạt động giữa các ngành, các cấp ở địa phương có chức năng quản lý thị trường chống đầu cơ, buôn lậu và các hành vi kinh doanh trái phép.

Điều 6. - Công chức kiểm soát thị trường được giao trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát việc thi hành pháp luật trong hoạt động thương mại ở thị trường trong nước. Khi thừa hành công vụ phải tuân thủ pháp luật và quy chế công tác về quản lý thị trường, chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Khi thấy có dấu hiệu vi phạm thì công

chức làm công tác kiểm soát thị trường được quyền.

1. Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp tình hình số liệu, tài liệu cần thiết có liên quan đến việc kiểm tra.

2. Được kiểm tra hiện trường nơi sản xuất, nơi cất giấu hàng hóa, tang vật vi phạm.

3. Lập biên bản vi phạm hành chính, quyết định áp dụng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính theo quy định của pháp luật; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển giao cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại.

4. Sử dụng vũ khí và các phương tiện chuyên dùng khác theo quy định của pháp luật (kể cả ô-tô, xe mô tô phân khối lớn, thiết bị thông tin liên lạc) để làm nhiệm vụ kiểm tra.

Điều 7.

1. Công chức kiểm soát thị trường có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, phòng chống có hiệu quả các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước. Trong khi làm nhiệm vụ, nếu bị thương hoặc hy sinh được hưởng chế độ như đối với thương binh, liệt sĩ.

2. Công chức kiểm soát thị trường lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm sai pháp luật gây cản trở cho lưu thông hàng hóa và kinh doanh hợp pháp, làm thiệt hại về tài sản của người kinh doanh, bao che vi phạm, chiếm đoạt, sử dụng trái phép tiền bạc, tang vật, phương tiện thu giữ hoặc có hành vi tiêu cực khác thì bị xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

III. BIÊN CHẾ, KINH PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ TRẠNG BỊ CỦA QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 8. - Biên chế của quản lý thị trường thuộc biên chế quản lý Nhà nước do Chính phủ quy định. Toàn bộ kinh phí hoạt động của Cục, Chi cục và các Đội Quản lý thị trường kể cả tiền lương và phụ cấp do ngân sách Nhà nước cấp. Mọi khoản thu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và xử lý đều nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 9. - Công chức quản lý thị trường hưởng lương theo ngạch công chức, được trang bị đồng

phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu và thẻ kiểm soát thị trường thống nhất trên cả nước do Bộ trưởng Bộ Thương mại cấp.

Ban hành kèm theo Nghị định này Bản phụ lục về mẫu phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu và thẻ kiểm soát của quản lý thị trường.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10.- Bộ trưởng Bộ Thương mại quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Cục Quản lý thị trường. Biên chế của Cục Quản lý thị trường nằm trong tổng số biên chế của Bộ Thương mại.

Bộ trưởng Bộ Thương mại sau khi thống nhất với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Chi cục và Đội Quản lý thị trường ở địa phương.

Điều 11.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

PHỤ LỤC

VỀ MẪU PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU, CẤP HIỆU VÀ THẺ KIỂM TRA CỦA QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

(ban hành kèm theo Nghị định số 10-CP ngày 23-1-1995 của Chính phủ).

I. PHÙ HIỆU

Phù hiệu quản lý thị trường gắn trên mặt trước của mũ Kêpi, làm bằng đồng, hình tròn đường kính 32mm; mặt của phù hiệu phía ngoài

nền màu xanh, giữa có ngôi sao vàng 5 cánh nổi trên nền đỏ hình tròn, sát mép phù hiệu có đường viền bằng 2 bông lúa màu vàng, cuống 2 bông lúa gắn với "bánh xe lịch sử" màu vàng, trên mặt bánh xe có hàng chữ quản lý thị trường viết tắt "QLTT" màu đỏ, xếp cong theo chiều cong của vành bánh xe lịch sử. Phù hiệu được cài lên "cành tùng" bằng nhôm màu trắng trước khi gắn vào mũ (theo Quyết định số 263-CT ngày 18-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ).

Phù hiệu quản lý thị trường gắn trên mặt mũ mềm cũng tương tự như trên nhưng kích thước được thu nhỏ lại với đường kính 25mm và cành tùng.

II. BIỂN HIỆU

Biển hiệu quản lý thị trường gắn trên nắp túi áo ngực trái. Kích thước 50mm x 90mm; xung quanh có đường viền nhỏ màu đỏ, nền phù hiệu màu vàng, phía trái dán ảnh cỡ 4 x 6 của công chức. Phía phải chia làm 2 ô: ô phía trên ghi hàng chữ quản lý thị trường và tên tỉnh, thành phố; ô phía dưới ghi họ và tên viên chức, chức vụ và số hiệu của viên chức (2 số đầu là số thứ tự của Đội, ba số sau là số thứ tự của công chức).

III. CẤP HIỆU

Cấp hiệu quản lý thị trường gắn ở ve áo: làm bằng dạ màu tím than, hình bình hành, dài 52mm, cao 32mm, xung quanh có đường viền màu vàng, trên nền cấp hiệu gắn hình phù hiệu quản lý thị trường đường kính 10mm bằng nhôm, cạnh hình phù hiệu là sao năm cánh màu trắng biểu hiện ngạch công chức quản lý thị trường:

- Bốn sao là kiểm soát viên cao cấp.
- Ba sao là kiểm soát viên chính.
- Hai sao là kiểm soát viên.
- Một sao là kiểm soát viên trung cấp.

Cấp hiệu quản lý thị trường gắn ở cầu vai: làm bằng dạ màu tím than, xung quanh có đường viền màu vàng; Đâu to 36mm, đầu nhỏ 30mm (hơi nhọn). Ở đầu nhỏ gắn một cục hình chòm cầu bằng kim loại, mặt cục dập hình phù hiệu quản lý thị trường nổi. Trên cầu vai gắn sao năm cánh màu trắng, số sao tương ứng với ngạch công chức quản lý thị trường (như ở ve áo).

IV. THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

CHÍNH PHỦ

Thẻ kiểm tra thị trường cấp cho công chức trực tiếp kiểm tra, kiểm soát thị trường. Thẻ được làm bằng bìa cứng, kích thước 100mm x 140mm.

Mặt ngoài: có nền màu đỏ, nửa bên trái để trống, nửa bên phải: phía trên ghi dòng chữ Quốc hiệu; dưới dòng chữ Quốc hiệu là hình phù hiệu quản lý thị trường; dưới hình phù hiệu là dòng chữ Thẻ kiểm tra thị trường. Tất cả các chữ đều in bằng nhũ màu vàng.

Mặt trong: Nền thẻ màu vàng nhạt, trên nền vàng nhạt là hoa văn màu vàng đậm hơn (Hoa văn là hình phù hiệu quản lý thị trường ở giữa và các tia ra xung quanh là các chữ quản lý thị trường viết tắt).

Phía bên trái thẻ: lần lượt từ trên xuống dưới như sau:

- Hàng chữ: Bộ Thương mại (chữ đen).
- Số thẻ Quản lý thị trường (chữ đen).
- Ảnh của người được cấp thẻ cỡ 4 x 6 (ảnh được đóng dấu nổi).
- Thời hạn dùng thẻ.

Phía bên phải: Từ trên xuống dưới lần lượt ghi như sau:

- Quốc hiệu (chữ đen).
- Thẻ kiểm tra thị trường (chữ đỏ).
- Tên người được cấp thẻ (chữ đen).
- Chứng minh thư nhân dân số (chữ đen).
- Chức vụ.
- Đơn vị công tác.
- Được kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh thương mại, dịch vụ trên thị trường.
- Bộ trưởng Bộ Thương mại (ký tên đóng dấu).

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 1987, Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990 và ngày 23 tháng 12 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam ngày 14 tháng 10 năm 1994;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam.

Điều 2.- Tổ chức, cá nhân nước ngoài được thuê đất tại Việt Nam (sau đây gọi là Bên thuê đất) bao gồm:

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện khác có chức năng ngoại giao của nước ngoài;
2. Cơ quan đại diện các tổ chức của Liên hợp quốc tại Việt Nam, cơ quan, tổ chức liên Chính phủ, cơ quan đại diện của tổ chức liên Chính phủ;
3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư vào Việt Nam theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp Bên Việt Nam được góp vốn bằng giá trị thuê đất để liên doanh với nước ngoài hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh với nước ngoài thì Bên Việt Nam là Bên thuê đất.

Trường hợp Xí nghiệp liên doanh thuê đất thì người đại diện có thẩm quyền của Xí nghiệp liên doanh là Bên thuê đất.

Điều 3.- Bên thuê đất phải tuân theo các quy định của Luật Đất đai, Pháp lệnh về Quyền và

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 11-CP ngày 24-1-1995 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam.

62170

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft